

Số: 420/BC-THPĐA

Uông Bí, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Phương Đông A

2. Địa chỉ: Tổ 1, khu Cửa Ngăn, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0906 159 226

Website: <http://uongbi.quangninh.edu.vn>

Mã đơn vị: 22196416

3. Loại hình

Trường Tiểu học công lập;

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử hình thành:

- Trường Tiểu học Phương Đông A tiền thân là trường cấp I “Hoa Văn” thuộc khu Cửa Ngăn - phường Phương Đông - thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh. Trường được thành lập từ năm 1960. Đến tháng 9 năm 1980, trường được xây dựng lại và chuyển địa điểm về gần khu vực Dốc Đỏ thuộc Khu Cửa Ngăn phường Phương Đông. Từ năm 1980 đến năm 1989 là trường liên cấp I và cấp II. Đến năm 1990 do yêu cầu của ngành giáo dục trường được tách riêng thành trường Tiểu học mang tên



trường Tiểu học Phương Đông C. Đến năm 2000, thị xã Uông Bí qui hoạch lại gianh giới địa chính xã phường, trường được đổi tên là trường Tiểu học Phương Đông A.

- Kể từ khi mang tên trường Tiểu học phương Đông A đến nay, trường đã trải qua rất nhiều thế hệ cán bộ quản lý như đồng chí Hiệu trưởng Đỗ Mạnh Đạt, Phạm Thị Minh Huệ, Ngô Thị Huế, Nguyễn Thị Kim Cúc, Hoàng Thị Nhung. Các đồng chí Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hợp, Đào Thị Bích Thủy, Dương Thị Hồng Luyện, Hà Kiên Định, Trần Thu Hà. Hiện nay, Hiệu trưởng nhà trường là đồng chí Hoàng Thị Nhung, Phó Hiệu trưởng là đồng chí Trần Thu Hà.

- Trải qua một quá trình liên tục phấn đấu từ những ngày đầu trường mới thành lập còn gặp nhiều khó khăn nhưng được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, cùng với sự cố gắng nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường đã không ngừng đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục. Đến nay, trường Tiểu học Phương Đông A đã vững mạnh hơn về mọi mặt, được Đảng, chính quyền địa phương, Phòng GD&ĐT Uông Bí, các cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn phường, phụ huynh học sinh quan tâm, tin tưởng. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, nhà trường vinh dự được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ II và được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh công nhận lại ngày 25/8/2021.

Trường Tiểu học Phương Đông A là trường công lập do UBND thành phố Uông Bí thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, thực hiện chương trình Giáo dục Tiểu học do Bộ Giáo dục ban hành.

Xây dựng phát triển nhà trường dựa trên các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương; thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Hoàng Thị Nhung

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 1, khu Cửa Ngăn, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

Số điện thoại: 0906 159 226

Địa chỉ thư điện tử: hoangthinhung.cltranphu@quangninh.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Năm 2000, trường được đổi tên từ Trường Tiểu học Phương Đông C thành Trường Tiểu học Phương Đông A (Quyết định số 257/KHTV ngày 26/7/2000 của của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc đổi tên trường).

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng Trường Tiểu học Phương Đông A, nhiệm kỳ 2021-2026 (bà Hoàng Thị Nhung);

- Quyết định số 6138/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng Trường Tiểu học Phương Đông A, nhiệm kỳ 2021-2026. Danh sách thành viên Hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ/ chức danh	Đơn vị công tác
1	Hoàng Thị Nhung	04/10/1979	Hiệu trưởng	TH Phương Đông A
2	Trần Thu Hà	15/8/1984	CTCĐ-PHT	TH Phương Đông A
3	Hoàng Thị Việt Nga	05/06/1986	Thư kí HĐ	TH Phương Đông A
4	Đặng Thị Hải	17/3/1990	BT Đoàn TN	TH Phương Đông A
5	Nguyễn Thị Hoa	19/3/1979	Tổ trưởng tổ 1-2-3	TH Phương Đông A
6	Bùi Thị Đào	22/11/1987	Tổ trưởng tổ 4-5	TH Phương Đông A
7	Trần Thị Trang	02/10/1984	Tổ trưởng tổ VP	TH Phương Đông A
8	Nguyễn Thị Tuyết Mai	28/9/1977	Phó Chủ tịch	UBND phường Phương Đông
9	Nguyễn Thị Kim Tuyến	10/6/1983	Trưởng ban ĐDCMHS	Ban đại diện CMHS trường TH Phương Đông A

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Quyết định số 6058/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc điều động, bổ nhiệm có thời hạn đối với cán bộ quản lý giáo dục (Bà Hoàng Thị Nhung bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Phương Đông A, thời gian kể từ ngày 01/11/2022, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm);

Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc điều động, bổ nhiệm có thời hạn đối với cán bộ quản lý giáo dục (Bà Trần Thu Hà - Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo đến nhận công tác tại Trường Tiểu học Phương Đông A, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Phương Đông A, kể từ ngày 05/02/2021, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm).

d. Quy chế tổ chức hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn ; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

*** Cơ chế hoạt động của Trường Tiểu học Phương Đông A**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó, đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác; kiểm tra, đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục nhà trường; chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

(1). Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

(2). Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

(3). Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

(4). Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức hoạt động giáo dục tại trường.

(5). Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

(6). Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

(7). Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

(8). Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

(9). Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục ở địa phương.

(10). Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

(11). Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường**

- 01 Hội đồng trường gồm 09 thành viên;
- 01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu, 24 giáo viên (07 hợp đồng); 02 nhân viên;
- 01 Hội đồng Thi đua khen thưởng;
- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ Trường tiểu học);
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: 01 Chi bộ gồm 19 đảng viên;
- Tổ chức Công đoàn có 28 đoàn viên;
- Tổ chức Đoàn thanh niên có 13 đoàn viên;
- Tổ chức Đoàn Đội: 09 Sao Nhi đồng, 06 Chi đội;
- Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường có 05 thành viên;
- Các tổ chuyên môn và văn phòng: 02 tổ chuyên môn (tổ 1,2,3 và tổ 4,5); 01 tổ văn phòng.

d. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Hoàng Thị Nhung	Hiệu trưởng	0906 159 226	hoangthinhung.cltranphu@quangninh.edu.vn
2	Trần Thu Hà	P. Hiệu trưởng	0904 445 525	sonhaduonganh@gmail.com

* Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 1, khu Cửa Ngăn, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

*** Nhiệm vụ, trách nhiệm của Hiệu trưởng**

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển

năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hóa giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

*** Nhiệm vụ, trách nhiệm của P. Hiệu trưởng**

Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với phó hiệu trưởng.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

8. Các văn bản khác của nhà trường

- Kế hoạch số 60/KH-THPĐA ngày 30/12/2020 của Trường TH Phương Đông A về Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 246/KH-THPĐA ngày 04/9/2024 của Trường TH Phương Đông A về thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

- Quyết định số 300/QĐ-THPĐA ngày 27/9/2024 của Trường TH Phương Đông A Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường từ năm học 2024-2025;

- Quyết định số 236/QĐ-THPĐA ngày 03/10/2023 của Trường TH Phương Đông A Ban hành Quy chế phối hợp giữa Nhà trường với ban chấp hành Công đoàn cơ sở trường TH Phương Đông A từ năm học 2023-2024;

- Quyết định số 238/QĐ-THPĐA ngày 03/10/2023 của Trường TH Phương Đông A Ban hành Quy chế làm việc của cán bộ, giáo viên, nhân viên trường TH Phương Đông A từ năm học 2023-2024;

- Quyết định số 239/QĐ-THPĐA ngày 03/10/2023 của Trường TH Phương Đông A Ban hành Bộ tiêu chí chấm điểm thi đua của cán bộ, giáo viên, nhân viên, các tổ chuyên môn từ năm học 2023-2024;

- Quyết định số 240/QĐ-THPĐA ngày 03/10/2023 của Trường TH Phương Đông A Ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường TH Phương Đông A từ năm học 2023-2024;

- Quyết định số 08/QĐ-THPĐA ngày 05/01/2024 của Trường TH Phương Đông A Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024;

- Quyết định số 23/QĐ-THPĐA ngày 12/01/2024 của Trường TH Phương Đông A Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, thiết bị tại trường TH Phương Đông A thành phố Uông Bí năm 2024.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Vị trí việc làm	Ngạch, Chức danh nghề nghiệp	Mã số ngạch, CDNN	Số lượng NLV cần có	Số lượng NLV hiện có	Trình độ đào tạo
I	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý			2	2	
1	Hiệu trưởng	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	1	1	ĐH
2	Phó Hiệu trưởng	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	1	1	Th.s
II	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			25	24	

1	Giáo viên tiểu học hạng I	Giáo viên tiểu học hạng I	V.07.03.27	5	0	
2	Giáo viên tiểu học hạng II	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	15	4	3ĐH; 01 Th.s
3	Giáo viên tiểu học hạng III	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	2	13	ĐH
4	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	0	7 (HĐ)	5ĐH; 2CĐ
5	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	V.07.06.16	1	0	
6	Nhân viên giáo vụ	Nhân viên Giáo vụ	V.07.07.21	1	0	
7	Nhân viên Tư vấn học sinh			1	0	
III	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung			4	2	
1	Thư viện viên hạng IV	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	1	1	ĐH
2	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp	06.032	1	1	ĐH
3	Nhân viên thủ quỹ		01.005	1	0	
4	Nhân viên Y tế học đường	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	1	0	
IV	Nhóm vị trí việc hỗ trợ, phục vụ			3	3	
1	Nhân viên bảo vệ			2	2	
2	Nhân viên phục vụ			1	1	
Tổng cộng				34	31	

2. Số lượng GV, CBQL, đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Hiệu trưởng: Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá: Tốt

- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 24 (trong đó Tốt: 16/24=66,66%; Khá: 8/24=33,34%).

3. Số lượng GV, CBQL, NV hoàn thành BDTX hằng năm theo quy định

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 23 đ/c. Trong đó CBQL: 02/02; Giáo viên: 19/23 (04 HĐ không tham gia); Nhân viên: 02/02.

III. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu

Diện tích đất (m ²)	Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh (m ²)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu ¹
15 445,3m ²	31,32m ²	Bình quân 10m ² /HS; Khu đô thị, miền núi 8m ² /HS

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập

Danh mục	Có	Cần đủ học 2b/ngày	Thiếu	Ghi chú
- Phòng học	15	15	0	
- Phòng học vi tính	01	01	0	
- Phòng học bộ môn	04	04	0	
- Phòng thiết bị, thí nghiệm	01	01	0	
- Phòng học trải nghiệm (robotic)	01	01	0	
- Phòng HT, HP	02	02	0	
- Phòng hội trường	01	01	0	
- Phòng thư viện	01	01	0	
- Phòng truyền thống Đội	01	02	01	Thiếu phòng truyền thống
- Phòng y tế	01	01	0	
- Phòng kế toán	01	01	0	

Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao

¹ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Tổng diện tích đất (m ²)	15 445,3m ²	31,32m ²
2	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	7 722,65 m ²	15,66 m ²

Khối phục vụ sinh hoạt

Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
Đạt chuẩn vệ sinh*	18 m ²		100 m ²		0,2m ² /HS

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

(Danh mục thiết bị kèm theo)

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

4.1. Bộ sách sử dụng các môn học bắt buộc

* Lớp 1

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	TN-XH	Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn (T.c.biên)
5	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (T.c.biên)
6	Mĩ thuật	Cánh diều	Phạm Văn Tuyền (T.c.biên)
7	GDTC	Cánh diều	Đặng Ngọc Quang (T.c.biên)
8	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Sĩ Tụng (T.c.biên)
9	Tiếng Anh	I-lear Smart Star	Nguyễn Thị Ngọc Quyên

* Lớp 2

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	TN-XH	Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn (T.c.biên)
5	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (T.c.biên)
6	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
7	GDTC	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (T.c.biên)
8	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
9	Tiếng Anh	I-lear Smart Star	Nguyễn Thị Ngọc Quyên

* Lớp 3

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	TN-XH	Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn (T.c.biên)
5	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (T.c.biên)

6	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
7	GDTC	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (T.c.biên)
8	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
9	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân
10	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng
11	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công

* Lớp 4

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (T.c.biên)
5	LS-ĐL	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (T.c.biên)
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (T.c.biên)
7	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
8	GDTC	Cánh diều	Đinh Quang Ngọc (T.c.biên)
9	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
10	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân (T.c.biên)
11	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (T.c.biên)
12	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (T.c.biên)

* Lớp 5

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (T.c.biên)
5	LS-ĐL	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (T.c.biên)
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (T.c.biên)
7	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
8	GDTC	Cánh diều	Đinh Quang Ngọc (T.c.biên)
9	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
10	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân (T.c.biên)
11	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (T.c.biên)
12	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (T.c.biên)

4.2. Bộ sách sử dụng cho hoạt động củng cố, tăng cường và lồng ghép tích hợp

a. Các bài dạy kỹ năng sống

Số TT	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
1	Bài 1: Kỹ năng hòa nhập môi trường mới	Bài 1: Kỹ năng bảo vệ bản thân	Bài 1: Kỹ năng nhận thức bản thân	Bài 1: Kỹ năng làm chủ cảm xúc	Bài 1: Kỹ năng xây dựng lòng tự trọng
2	Bài 2: Kỹ năng diễn đạt điều muốn nói	Bài 2: Kỹ năng xây dựng sự tự tin và bản thân	Bài 2: Kỹ năng chịu trách nhiệm bản thân	Bài 2: Kỹ năng xây dựng thời gian biểu	Bài 2: Kỹ năng bày tỏ cảm xúc
3	Bài 3: Kỹ năng làm quen bạn mới	Bài 3: Kỹ năng quan tâm, giúp đỡ bạn	Bài 3: Kỹ năng kết bạn	Bài 3: Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn	Bài 3: Kỹ năng chấp nhận người khác
4	Bài 4: Kỹ năng thể hiện là người bạn	Bài 4: Kỹ năng chia sẻ cùng bạn	Bài 4: Kỹ năng lắng nghe tích cực	Bài 4: Kỹ năng ứng xử với bạn bè	Bài 4: Kỹ năng thể hiện trách nhiệm

	tốt				với bạn
5	Bài 5 Kỹ năng thể hiện lễ phép trong gia đình	Bài 5: Kỹ năng thể hiện tình yêu thương	Bài 5: Kỹ năng giúp đỡ ông bà, cha mẹ.	Bài 5: Kỹ năng thể hiện trách nhiệm với gia đình	Bài 5: Kỹ năng tiếp khách đến nhà
6	Bài 6 Kỹ năng thể hiện tình yêu thương trong gia đình	Bài 6. Kỹ năng thể hiện trách nhiệm khi làm việc nhà	Bài 6: Kỹ năng chia sẻ cùng người thân.	Bài 6: Kỹ năng thể hiện lòng hiếu thảo	Bài 6: Kỹ năng bảo vệ gia đình sống lành mạnh
7	Bài 7: Kỹ năng vệ sinh cá nhân	Bài 7: Kỹ năng làm việc nhóm	Bài 7: Kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch học tập.	Bài 7: Kỹ năng tư duy sáng tạo	Bài 7: Kỹ năng tạo cảm hứng học tập
8	Bài 8: Kỹ năng tự chuẩn bị đồ dùng học tập, trang phục đến trường	Bài 8: Kỹ năng giao tiếp ở trường học	Bài 8: Kỹ năng tự học.	Bài 8: Kỹ năng thuyết trình	Bài 8: Kỹ năng giải quyết vấn đề
9	Bài 9: Kỹ năng giữ gìn vệ sinh chung	Bài 9: Kỹ năng giao tiếp nơi công cộng	Bài 9: Kỹ năng làm thủ lĩnh.	Bài 9: Kỹ năng bảo vệ môi trường	Bài 9: Kỹ năng thích nghi
10	Bài 10: Kỹ năng bảo vệ cây xanh	Bài 10. Kỹ năng quan hiệu quả	Bài 10: Kỹ năng thể hiện lối sống văn minh.	Bài 10: Kỹ năng nhận diện tình huống nguy hiểm	Bài 10: Kỹ năng vượt qua cảm dỗ
11	Bài 11: Kỹ năng ứng xử khi tiếp xúc với người lạ	Bài 11: Kỹ năng ứng xử khi ở nhà một mình	Bài 11: Kỹ năng ứng xử khi có người thân gặp sự cố.	Bài 11: Kỹ năng thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn	Bài 11: Kỹ năng đi đường một mình an toàn
12	Bài 12: Kỹ năng ứng xử khi bị lạc	Bài 12: Kỹ năng phân biệt thực phẩm an toàn	Bài 12: Kỹ năng sơ cứu vết thương.	Bài 12: Kỹ năng ứng phó khi gặp mưa to, sấm sét	Bài 12: Kỹ năng ứng phó khi có bão, lũ lụt, sạt lở

b. Các bài dạy theo tài liệu "Giáo dục an toàn giao thông cho học sinh tiểu học"

STT	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
1	Bài 1: Đường em tới trường	Bài 1: Những nơi vui chơi an toàn.	Bài 1: Cổng trường an toàn GT	Bài 1: Điều khiển xe đạp	Bài 1: Điều khiển xe đạp chuyên hướng AT
2	Bài 2: Đèn tín hiệu giao thông	Bài 2: Đi bộ qua đường an toàn	Bài 2: Biển báo hiệu giao thông đường bộ	Bài 2: Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông	Bài 2: Phòng tránh tai nạn giao thông nơi khuất tầm nhìn
3	Bài 3: Đi bộ trên đường an toàn	Bài 3: Lên xuống xe đạp, xe máy an toàn	Bài 3: Đi bộ tại những nơi đường giao nhau	Bài 3: Hậu quả của tai nạn GT	Bài 3: Tham gia giao thông đường hàng không AT
4	Bài 4: Ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông	Bài 4: Biển báo hiệu giao thông đường bộ	Bài 4: Tham gia giao thông an toàn trên các phương tiện giao thông công cộng	Bài 4: Dự đoán để phòng chống tai nạn giao thông đường bộ	Bài 4: Ứng xử khi gặp sự cố giao thông
5	Bài 5: Nhớ đội mũ bảo hiểm	Bài 5: Chọn và đội mũ bảo hiểm đúng cách	Bài 5: Làm quen với xe đạp	Bài 5: An toàn giao thông đường thủy	Bài 5: Em làm tuyên truyền viên an toàn giao thông

c. Các bài dạy sách Bác Hồ và những bài học về đạo đức lối sống

Số TT	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
1	Bài 1: Quý trọng con người	Bài 1: Đoàn kết là yêu nước	Bài 1: Biết ơn thầy, cô giáo	Bài 1: Biết ơn những người có công với quê hương đất nước
2	Bài 2: yêu thương mọi người như người thân trong gia đình	Bài 2: Yêu quý thiếu nhi quốc tế	Bài 2: Yêu thương giúp đỡ	Bài 2: Yêu thương từng điệu hát quê hương
3	Bài 3: Giờ nào việc nấy	Bài 3: Chăm chỉ, sáng tạo	Bài 3: Chăm chỉ học hành	Bài 3: Chăm chỉ vượt khó
4	Bài 4: Nhận lỗi và sửa lỗi	Bài 4: Giữ lời hứa	Bài 4: Hãy luôn trung thực, thật thà	Bài 4: Bảo vệ cái đúng
5	Bài 5: Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Bài 5: Biết ơn những người có công	Bài 5: Bảo vệ tiền-tài sản của công	Bài 5: "Nước Việt Nam là một"
6	Bài 6: Nhận thức thấu hiểu mọi vật	Bài 6: Chia sẻ với những người xung quanh	Bài 6: Lập kế hoạch làm việc cho bản thân	Bài 6: Không hưởng một mình, chia sẻ miếng ngon, đồ quý
7	Bài 7: Cần hợp sức đoàn kết	Bài 7: Cần thận tránh tai nạn	Bài 7: vệ sinh cá nhân bảo vệ sức khỏe	Bài 7: Thông minh trong cuộc sống hàng ngày
8	Bài 8: Sử dụng đồng tiền có ý nghĩa	Bài 8: Không dễ dãi nhận quà	Bài 8: Quý trọng đồng tiền, đồ dùng	Bài 8: Quyền và bổn phận trẻ em

IV. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

* Kết quả đánh giá: Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X

Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt mức: 3

*** Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá**

<http://uongbi.quangninh.edu.vn/thphuongdonga1/congkhai/id/291915/ke-hoach-cai-tien-chat-luong-chu-ki-kiem-dinh-2021-2026.aspx>

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

*** Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian**

- Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quyết định về việc công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia (Trường TH Phương Đông A thành phố Uông Bí: Chuẩn Quốc gia mức độ 2);

- Quyết định số 1278/QĐ-SGDĐT ngày 25/8/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh Quyết định về việc cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho trường Tiểu học Phương Đông A thành phố Uông Bí (mức độ 2, thời hạn 05 năm);

- Quyết định số 1282/QĐ-SGDĐT ngày 25/8/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh Quyết định về việc cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho trường Tiểu học Phương Đông A thành phố Uông Bí (cấp độ 3, thời hạn 05 năm).

*** Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm**

Thời gian thực hiện	Nội dung trọng tâm	Tháng/Chủ điểm
Tuần 1	Chào mừng năm học mới, tìm hiểu truyền thống nhà trường	9/2024 "Vui đến trường; tìm hiểu truyền thống nhà trường; địa phương"
Tuần 2	Tìm hiểu về nguồn gốc ngày Tết Trung thu	
Tuần 3	Ra mắt các câu lạc bộ năng khiếu	
Tuần 4	Tìm hiểu truyền thống địa phương	
Tuần 5	Ăn toàn giao thông cho em	
Tuần 6	Ý nghĩa lịch sử ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	10/2024 "Học vui vẻ - Sông an toàn"
Tuần 7	Tuyên truyền phòng chống xâm hại trẻ em	
Tuần 8	Tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường, xây dựng tình bạn đẹp	
Tuần 9	Tìm hiểu quyền và bổn phận trẻ em	11/2024 "Tôn sư trọng đạo"
Tuần 10	Phát động phong trào góp sách trang trí lớp học thân thiện	
Tuần 11	Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	

* Sinh hoạt dưới cờ: 35 tuần, mỗi tuần 01 chủ đề.

d. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở trường

Thực hiện chăm sóc, bảo vệ sức khỏe học sinh năm học 2024-2025.

c. Văn bản phối hợp số 318/VBPH ngày 03/10/2024 của trường TH Phương Đông A về cam kết phối hợp giữa nhà trường - gia đình và cộng đồng

Phương Đông A về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025.

b. Kế hoạch số 231/KHGD-THPDA ngày 30/8/2024 của trường TH

Phương Đông A về Kế hoạch số 135/KH-THPDA ngày 24/5/2024 của trường TH Phương

Đông A về Tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024-2025 (thể hiện rõ đối tượng, chỉ

tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện và thông tin liên

quan).

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

a. Kế hoạch số 135/KH-THPDA ngày 24/5/2024 của trường TH Phương

Đông A về Tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024-2025 (thể hiện rõ đối tượng, chỉ

tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện và thông tin liên

quan).

b. Kế hoạch số 231/KHGD-THPDA ngày 30/8/2024 của trường TH

Phương Đông A về Kế hoạch số 135/KH-THPDA ngày 24/5/2024 của trường TH Phương

Đông A về Tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024-2025 (thể hiện rõ đối tượng, chỉ

tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện và thông tin liên

quan).

	Phát động phong trào "Trường học hạnh phúc"	Tuần 12
12/2024 "Uống nước nhớ nguồn"	Cách thoát hiểm khi xảy ra hỏa hoạn	Tuần 13
	Cách phòng tránh một số dịch bệnh thường gặp trong mùa đông	Tuần 14
	Tìm hiểu truyền thông QĐNDVN 22/12	Tuần 15
	Tuyên truyền về sức khỏe cộng đồng	Tuần 16
	Tuyên truyền PCCC-CNCH	Tuần 17
1+2/2025 "Xuân yêu thương - Tết sum vầy"	Tuyên truyền vệ sinh ATTP	Tuần 18
	Phát động phong trào "Xuân yêu thương-Tết sum vầy"	Tuần 19
	Ngày Tết quê em	Tuần 20
	Phát động phong trào "Tết trồng cây", bảo vệ môi trường	Tuần 21
	Tuyên truyền lễ hội địa phương	Tuần 22
	Tuyên truyền về Quyền và bổn phận của trẻ em	Tuần 23
3/2025 "Tiến bước lên đoàn"	Tìm hiểu ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	Tuần 24
	Tuyên truyền phòng, chống bắt cóc trẻ em	Tuần 25
	Tuyên truyền bảo vệ môi trường, hưởng ứng sự kiện "Giờ trái đất"	Tuần 26
	Kỷ niệm ngày thành lập Đoàn TNCSHCM	Tuần 27
	Tiến bước lên Đoàn	Tuần 28
4/2025 "Bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp"	Cảnh đẹp quê hương, đất nước	Tuần 29
	Tìm hiểu ngày giỗ Tổ Hùng Vương	Tuần 30
	Chung tay bảo vệ môi trường, giới thiệu cuốn sách hay về môi trường và cảnh đẹp quê hương	Tuần 31
	Kỷ niệm ngày GPMN thống nhất đất nước; tìm hiểu ngày QTLĐ 1/5	Tuần 32
5/2025 "Bác Hồ kính yêu"	Tuyên truyền tiết kiệm điện	Tuần 33
	Tuyên truyền phòng tránh đuối nước	Tuần 34
	Tìm hiểu về tiêu sử và sự nghiệp cách mạng của Bác Hồ kính yêu	Tuần 35

*** Các hoạt động giáo dục tập thể**

TT	Nội dung	Thời gian	Hình thức	Thành phần
1	Vui Tết Trung Thu	Tháng 9/2024	HĐTN	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
2	Trang trí lớp học thân thiện/ Tuyên truyền ATGT	Tháng 10/2024	HĐTN/NK	CBQL, TPT, NV; GVCN, HS, PH 15 lớp
3	Kỷ niệm ngày NGVN 20/11	Tháng 11/2024	HĐNK	- Đại biểu; - CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
4	Tác phong anh Bộ đội Cụ	Tháng	HĐTN	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn

	Hồ	12/2024		trường
5	Ngày Tết quê em	Tháng 01/2025	HĐTN	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
6	Tiến bước lên Đoàn	Tháng 03/2025	HĐNK	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
7	Ngày hội Văn hóa đọc	Tháng 04/2025	HĐNK	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
8	Bác Hồ trong trái tim em	Tháng 05/2025	HĐNK	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường

*** Hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học**

TT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Tổ chức bán trú (tự nguyện)	Ăn bán trú	HS khối lớp 1-5	10h30-11h	Tại các lớp học	Tối thiểu 01 buổi/ tháng
		Đọc sách	HS khối lớp 1-5	11h-11h30	TV lớp học	
		Ngủ trưa	HS khối lớp 1-5	11h30-13h30	Tại các lớp học	
2	Câu lạc bộ năng khiếu (tự nguyện)	Văn - Toán	Khối lớp 1-5	Chiều thứ 6	Các lớp học	
		Tiếng Anh	Khối lớp 1-5	Chiều thứ 6	Phòng T. Anh	
		VN-TDĐT	Khối lớp 1-5	Chiều thứ 6	Sân trường	
		Viết chữ đẹp	Khối lớp 1-5	Chiều thứ 6	Các lớp học	

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế năm học trước

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Thông kê		Năm 2023-2024	Năm 2022-2023
Tổng số	Khối 1	97	102
	Khối 2	99	115
	Khối 3	108	99
	Khối 4	100	88
	Khối 5	88	135
	Tổng	492	539
Nữ		323	248
DT		20	10
Nữ DT		10	8
Nghèo		3	2
Cận nghèo		3	3
HSKT		2	0
Mồ côi		2	0
Chuyển trường		1	8
Tiếp nhận		0	3

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

Thống kê		Năm 2023-2024	Năm 2022-2023
HS hoàn thành chương trình lớp học, được lên lớp	Số lượng	492/492	539/539
	Tỉ lệ (%)	100	100
HS được Hiệu trưởng khen	Số lượng	336	371
	Tỉ lệ (%)	68,29	68,8
HS lưu ban	Số lượng	0	0
	Tỉ lệ (%)	0	0

c. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông:

Thống kê		Năm 2023-2024	Năm 2022-2023
HS hoàn thành CTTH	Số lượng	88/88	135/135
	Tỉ lệ (%)	100	100

* Kết quả giáo dục thực tế của từng khối lớp 1,2,3,4,5 cuối năm học 2023-2024 (có biểu chi tiết kèm theo).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Căn cứ kế hoạch dự toán thu - chi năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-PGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Uông Bí về việc giao dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2024;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

*) Nguồn ngân sách 2024

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng thu, chi tiền học phí	0
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
a	Học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	

2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a	Chi lương	
b	Chi hoạt động	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.967.142.300
3.1.1	Quỹ tiền lương	3.642.673.427
3.1.2	Chi hoạt động	1.324.468.873
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	311.958.977
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	0
3.2.2	Trẻ ăn trưa 3,4,5 tuổi	
3.2.3	Cấp bù miễn giảm học phí	
3.2.4	Giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường Tiếng Việt	
3.2.5	Kinh phí nuôi sinh	
3.2.6	Chi phí học tập	6.300.000
3.2.7	Học sinh khuyết tật	9.980.227
3.2.8	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	
3.2.9	Chế độ của ND76/2019/NĐ-CP	
3.2.10	Kinh phí cải cách tiền lương	
3.2.11	Các chế độ khác	
3.2.12	Chi khác	295.678.750

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND			
Học kì II năm 2023-2024	6	4.500.000	
Học kì I năm 2024-2025	3	1.800.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH			

Hỗ trợ học bổng			
Học kì II năm học 2023-2024	0	0	
Học kì I năm học 2024-2025	0	0	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kì II năm học 2023-2024	0	0	
Học kì I năm học 2024-2025	0	0	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2024-2025			
1	Bảo hiểm y tế	Đồng/ học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế	Đồng/ học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Năm học 2026-2027			
1	Bảo hiểm y tế	Đồng/ học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	

4. Công khai số dự quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	0	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	28	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	2.355.855.093	
III	Các khoản giảm trừ			
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh		3.696.000.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học			
3	Bảo hiểm được trừ		247.367.935	
IV	Thu nhập tính thuế			

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Nhà trường thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, củng cố kết quả các cuộc vận động của Ngành. Trong các giờ sinh hoạt tập thể, giờ chào cờ đầu tuần nhà trường luôn thay đổi hình thức để giáo dục về ý thức thực hiện An toàn giao thông, phòng chống đuối nước, dịch bệnh cho các em, phòng chống xâm hại tình dục đối với trẻ em,... Tổ chức cho học sinh chăm sóc, bảo vệ, dâng hương tại nhà bia tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ phường Phương Đông. Tổ chức Hội thi làm đồ dùng dạy học, duy trì hoạt động của các CLB: Văn- Toán tuổi thơ, Tiếng Anh, TDTT: CLB tiếng Anh, CLB nghệ thuật, tổ chức cho HS tham gia thi IEO các cấp NĂM HỌC 2023-2024. Kết quả:

** Công tác BDHS năng khiếu:*

- Giao lưu học sinh năng khiếu (V-T-TA; IOE; VCD) cấp trường: 86 giải (13 giải Nhất; 19 giải Nhì; 23 giải Ba; 31 giải KK);
- Giao lưu học sinh năng khiếu (V-T-TA; VCD) cấp thành phố: 14 giải (03 giải Nhì; 07 giải Ba; 03 giải KK);
- Cấp tỉnh: 02 giải: 01 giải Ba Hội thi "Vì Quảng Ninh giỏi tiếng Anh năm 2023; 01 giải Khuyến khích IOE.

** Phong trào TDTT cấp trường:*

- TDTT: Tham gia đồng diễn và thi đấu các môn đạt:
- + Môn Bóng đá: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba
- + Môn Cờ vua: 04 giải Nhất, 03 giải Nhì, 03 giải Ba
- + Môn Bơi: 02 Nhất: 02 nhất bơi nữ, 02 nhất bơi nam

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2024 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường tiểu học Phương Đông A, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Web site nhà trường.



Hoàng Thị Nhung